

Số: *M3*/BC-UBND

Minh Long, ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện Minh Long từ năm 2015 đến nay

Thực hiện Công văn số 505/SNNPTNT ngày 06/3/2019 của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ năm 2015 đến nay. UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn huyện từ năm 2015 đến nay, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác chỉ đạo:

- Sau khi tiếp nhận các văn bản chỉ đạo của các cấp như: Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20/3/2013 của Bộ NN&PTNT về triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh; Công văn số 4380/UBND-NNTN ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc tập trung triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Quyết định số 627/QĐ-SNNPTNT ngày 29/10/2015 của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ngãi;

- UBND huyện Minh Long có văn bản hướng dẫn UBND các xã triển khai thực hiện xây dựng Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015 - 2020; giao nhiệm vụ phòng NN&PTNT huyện tổng hợp số liệu, triển khai và tham mưu xây dựng Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020. Qua quá trình xây dựng Đề án, UBND huyện mời các phòng ban có liên quan, UBND các xã tham gia góp ý, chỉnh sửa để hoàn thiện Đề án;

- Tổ chức các Hội nghị: Sơ kết 03 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn huyện Minh Long; sơ kết 05 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2013-2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018 trên địa bàn huyện Minh Long; sơ kết thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững năm 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018; sơ kết thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019 trên địa bàn huyện Minh Long.

2. Các văn bản đã ban hành:

- Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Minh Long về việc Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015 - 2020;

- Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn huyện Minh Long;

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 20/01/2017 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2017.

- Triển khai 05 xã xây dựng Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho đơn vị cơ sở.

II. Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp

1. Tái cơ cấu trong các lĩnh vực:

a. Lĩnh vực trồng trọt:

- Tổng giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản năm 2015 (theo giá cố định 2010) năm 2016: 127.389,4 triệu đồng, tăng 2.682,6 triệu đồng, đạt 102,1% so năm 2015 (127.389,4 triệu đồng); năm 2017: 131.473,09 triệu đồng, tăng 4.083,69 triệu đồng, đạt 103,2% so năm 2016 (127.389,4 triệu đồng); năm 2018: 189.401 triệu đồng, đạt 88,2% theo Đề án (214.765 triệu đồng).

- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt ngày càng tăng. Đến năm 2018 đạt được khoảng 27,17 triệu đồng/năm/ha, tăng 1-2 triệu đồng/năm/ha.

- Sản lượng lương thực bình quân trên đầu người năm 2015: 383,6 kg/người/năm, năm 2016: 380,5 kg/người/năm, năm 2017: 380,6 kg/người/năm, năm 2018: 391,8kg/người/năm; lương thực bình quân trong giai đoạn 2015-2018: 384,125kg/người/năm.

a.1) Cây lúa: Năm 2015 diện tích lúa cả năm 1.519,5 ha, năng suất 43,3 tạ/ha, sản lượng 6.579,2 tấn; Năm 2016 diện tích lúa 1.497 ha, năng suất 43,14 tạ/ha, sản lượng 6.458,1 tấn; Năm 2017 diện tích lúa 1.519,8 ha, năng suất 44,47 tạ/ha, sản lượng 6.758,2 tấn; Năm 2018 diện tích lúa 1.538,53 ha, năng suất 45,3 tạ/ha, sản lượng 6.969 tấn, đạt 101% so Đề án (6.900 tấn).

- Chuyển đổi 14,725 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hoa màu (năm 2016: 4,6 ha ngô; năm 2017: 4,45 ha lạc, 4,15 ha thức ăn gia súc, 1 ha mỳ, 0,5 ha chuối và 0,1 ha khoai lang), năm 2018: 5,675 ha (ngô 1,325 ha, lạc 4,35 ha), đạt 59% so Đề án (25ha).

- Chuyển đổi gieo sạ giống có chất lượng cao: 28 ha, gồm các giống lúa OM6161, OM6600, OM4900, Bắc Thịnh, TBR225, đạt 140% so Đề án (20 ha):

a.2) Cây ngô:

Năm 2015 diện tích 11,7 ha, năng suất 25,7 tạ, sản lượng 30,1 tấn; năm 2017 diện tích ngô 12,5 ha, năng suất bình quân 28,72 tạ/ha, sản lượng 35,9 tấn,

năm 2018 diện tích 13,05 ha, năng suất 28,03 tạ, sản lượng 36,7 tấn, đạt 47% So với Đề án (78 tấn). Các giống ngô lai được trồng phổ biến hiện nay như: CP3Q, CP333 CP888, B06, LVN10,

Cây ngô chưa thực sự trở thành cây nông nghiệp sản xuất hàng hóa, diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ, rải rác, phân tán, người dân chủ yếu trồng xen canh với các loại cây trồng hàng năm khác. Diện tích cây ngô năm 2018 đạt 43,5% Đề án (30 ha), năng suất đạt 108,8% Đề án (26 tạ/ha).

a.3) Cây lạc:

Năm 2015: diện tích 2 ha, năng suất 20,5 tạ/ha, sản lượng đạt 4,1 tấn; năm 2016 diện tích 2,2 ha, năng suất 15,2 tạ/ha, sản lượng đạt 3,34 tấn; năm 2017 diện tích 13,55 ha, năng suất 20,35 tạ/ha, sản lượng đạt 27,58 tấn; năm 2018 diện tích 8,3 ha đạt 41,15% so Đề án (20ha), năng suất 22,05 tạ/ha tăng 1,55% so Đề án (20,5 tạ/ha), sản lượng 18,3 tấn đạt 45% so Đề án (41 tấn). Các giống lạc được trồng phổ biến hiện nay: Lạc sẻ, Lạc sẻ Gia Lai L14.

Tiềm năng đất đai phát triển cây lạc còn rất nhiều nhưng người dân chưa chú trọng tía lạc nhằm đem lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

a.4) Cây mía:

Năm 2016 diện tích 14,5 ha, năng suất 682,2 tạ/ha, sản lượng 470,5 tấn; Năm 2017 diện tích 11,8 ha, năng suất 484,4 tạ/ha, sản lượng 571,6 tấn; Năm 2018 diện tích 13,9 ha, năng suất 495,93 tạ/ha, sản lượng 639,75 tấn.

Diện tích giảm đạt 69,5% so Đề án (20 ha), năng suất đạt 63,6% tạ/ha so Đề án (780 tấn), sản lượng đạt 41% so Đề án (1.560 tấn).

Nguyên nhân diện tích giảm là do giá cả cây mía bấp bênh, hệ thống giao thông, thủy lợi chưa hoàn chỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong sản xuất; phần lớn diện tích đất trồng mía ở vùng đất cao, đất gò đồi, thiếu nước tưới.

a.5) Cây mỳ: Năm 2015 diện tích 1.360 ha, năng suất 140 tạ/ha, sản lượng 19.040 tấn; năm 2016 diện tích 1120 ha, năng suất 140 tạ/ha, sản lượng 15.680 tấn; năm 2017 là 1.101 ha, năng suất 140 tạ/ha, sản lượng 15.414 tấn; năm 2018 diện tích 1.181,5 ha, năng suất 141,04 tạ/ha, sản lượng 16.663.9 tấn. Diện tích đạt 91% so Đề án (1.300 ha), năng suất 141,04 tạ/ha đạt 100,45% theo Đề án 140 tạ), sản lượng đạt 91,56% so Đề án (18.200 tấn).

a.6) Cây rau các loại: Năm 2015 diện tích 26,1 ha, năng suất 68,5 tạ/ha, sản lượng 178,9 tấn; năm 2016 diện tích 29,3ha, năng suất 69,15 tạ/ha, Sản lượng đạt 202,6 tấn; Năm 2017 diện tích 33,8 ha, năng suất 68,2 tạ/ha, sản lượng 230 tấn; Năm 2018 diện tích 31,3 ha, năng suất 68,71 tạ/ha, sản lượng 215,07 tấn. Diện tích, năng suất, sản lượng đạt theo Đề án.

a.7) Cây đậu đỗ các loại: Diện tích năm 2015 là 3,3 ha, năng suất 7,9 tạ/ha, sản lượng đạt 2,6 tấn, Năm 2016 diện tích 3,5 ha, năng suất 7,63 tạ/ha, sản lượng 2,7 tấn, Năm 2017 diện tích 33,8 ha, năng suất 68,2 tạ/ha, sản lượng 230,6 tấn; Diện tích, năng suất, sản lượng đạt theo Đề án.

b) Cây chè: Tổng diện tích trên địa bàn huyện: Diện tích 132,89 ha; diện tích năm 2016: 92 ha, năm 2017: 95 ha, năm 2018: 132,89 ha, trong đó trồng mới 37,89 ha, đạt 124,2% so Đề án (107 ha).

b. Lĩnh vực chăn nuôi:

b.1 Đàn lợn: Năm 2015: đàn lợn 4.276 con; năm 2016: 4.387 con; năm 2017: 4.652 con; năm 2018: 8.610 con, đạt 145,93% so với Đề án (5.900 con). Chủ yếu giống nuôi lợn lai F1 (Heo Móng cái lai lợn đực YOOC SIA, LAN ĐỒ RAT, COC VAL). Do giá thị trường biến động, giá thức ăn cao người chăn nuôi đầu tư ít có lãi, bên cạnh đó dịch bệnh xảy ra rải rác cục bộ, đe dọa quanh năm.

b.2 Đàn Trâu: Năm 2015: 4482 con, năm 2016: 4.664 con, năm 2017: 4.969 con, năm 2018: 5.439 con, đạt 113,31% so với Đề án (4.800 con). Chất lượng đàn: Tầm vóc nhỏ (trâu cỏ), nuôi theo hình thức chăn thả và bán chăn thả trong nông hộ. Năm 2017-2018 Dự án hỗ trợ trâu đực giống của tỉnh cấp 31 con trâu đực giống để lai tạo đàn trâu địa phương.

b.3 Đàn Bò: Năm 2015: 1467 con, năm 2016: 1.812 con, năm 2017: 1.953 con, năm 2018: 2.038 con, đạt 135,86% so Đề án (1.500 con), trong đó bò lai chiếm tỷ lệ 52,4% đạt 116,4% theo Đề án (45%). Chất lượng giống bò: Sử dụng bò cái nền (bò cỏ) hoặc bò cái lai F1, F2 cho phối giống đực lai F1 tạo ra đàn bê lai 50 - 75% máu ngoại.

b.4 Đàn gia cầm

- Năm 2015: 22.859 con, năm 2016: 47.939 con, năm 2017: 51.313 con, năm 2018: 52.340 con; đạt 186,9% so Đề án (28.000 con).

Chủ yếu nuôi vịt đàn đẻ lấy thịt, ít phát triển đàn vịt đẻ để lấy trứng, chủ yếu các loại giống vịt: Vịt bầu (vịt Hà Lan), vịt mặt rần tỉnh Long An và vịt cỏ.

Giống gà ta thả vườn, gà Tam Hoàng, Lương Phượng, gà ta và một số ít giống gà lông đủ màu như gà ta của Công ty Cao Khanh (Bình Định),

- Hình thức sản xuất chăn nuôi: Nuôi nhỏ lẻ, quy mô 20 – 100 con gia cầm/hộ; Vịt đàn quy mô 200 – 1000 con/hộ.

c. Lĩnh vực lâm nghiệp: Tổng diện tích đất tự nhiên: 23.734,59 ha. Độ che phủ rừng 65,03% đạt 100% theo Đề án. Theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 28/2/2017 của UBND huyện Minh Long như sau:

Loại rừng	Tổng cộng	DT rừng quy hoạch cho lâm nghiệp		DT rừng ngoài quy hoạch cho lâm nghiệp
		Phòng hộ	Sản xuất	
Diện tích có rừng	20.980,48	8.948,57	7.724,09	4.307,82
1. Rừng tự nhiên	8.527,23	8.136,44	316,58	74,21
2. Rừng trồng	12.453,25	812,13	7.407,51	4.233,61

Công tác quản lý rừng: Thường xuyên xét chọn khoảng 449 hộ/5 xã tham gia bảo vệ rừng và ký kết hợp đồng nguyên tắc ngay từ đầu năm; Lòng ghép tuyên truyền Luật Bảo vệ và Phát triển rừng đến tận cơ sở thôn; công tác tuần tra truy quét bảo vệ rừng được duy trì. Đầu tư phát triển công tác trồng rừng kết hợp khoanh nuôi phục hồi chăm sóc bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn, gắn với khai thác hợp lý, đạt 100% theo Đề án.

Tổng giá trị sản xuất ngành Lâm nghiệp năm 2016: 17.179,16 triệu đồng, đạt 100% so năm 2015 (17.179,16 triệu đồng); năm 2017: 48.338,73 triệu đồng, tăng 31.159,57 triệu đồng, đạt 281,14% so năm 2016 (17.179,16 triệu đồng); năm 2018: ước đạt 52.000 triệu đồng, đạt 100% theo Đề án.

Chuyển dịch sang phát triển mạnh cây nguyên liệu giấy, bình quân mỗi năm khai thác và trồng lại khoảng 800 – 1.000 ha keo, trong đó chuyển dần 10 ha đất trồng keo lai giâm hom sang trồng cây keo lai cây mô. Công tác trồng rừng cây bản địa, cây dược liệu dưới tán rừng chưa đạt theo kế hoạch của đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

d. Lĩnh vực thủy sản

- Năm 2015 đến 2016 diện tích: 20,6 ha, chia ra: Diện tích ao nuôi 3,9 ha, hồ chứa: 16,7 ha, sản lượng 33,9 tấn;

- Năm 2017-2018 diện tích ao nuôi: 20 ha, chia ra: Diện tích ao nuôi 3,3 ha, hồ chứa: 16,7 ha, sản lượng 34,6 tấn, đạt 69,2% theo Đề án (50 tấn).

- Các đối tượng giống cá như: Cá Trắm cỏ là chính ghép với cá chép, mè, Rô phi phi đơn tính, cá mè, Trôi, Điều Hồng,... Sản phẩm thủy sản chủ yếu cải thiện bữa ăn hàng ngày, giải quyết một phần nhu cầu thực phẩm cho nhân dân.

đ. Về phát triển ngành nghề nông thôn

Năm 2015-2017: mở được 5 lớp dạy nghề nông thôn có khoảng 150 học viên tham gia; năm 2018 giao cho trung tâm hướng nghiệp dạy nghề huyện tổ chức tuyển sinh nhưng trong quá trình tuyển sinh khó khăn trong việc thực hiện như: đối tượng học, kinh phí học tập thấp chưa thu hút người học tham gia,..

Ngành nghề nông thôn lâu nay chưa được chú trọng phát triển như nghề rèn, mây tre đan, nghề mộc, nuôi ong,... Mặc dù huyện đã quy hoạch cụm làng nghề tại xã Long Mai nhưng đến nay chưa có chính sách khuyến khích thu hút các nhà đầu tư, chỉ có nghề mộc, nghề, tự phát trong dân.

e. Trang trại

- Năm 2015 đến 2017: trên địa bàn huyện có 01 trang trại chăn nuôi heo ở thôn Yên Ngựa xã Long Sơn quy mô khoảng 300 con/lứa nuôi, nhưng do chưa đảm bảo vệ sinh môi trường kết hợp giá bấp bênh người chăn nuôi ít có lãi, nay đã giải thể;

- Năm 2018 có 01 trang trại chăn nuôi lợn sạch Phú Hiệp ở thôn Tối Lạc Thượng xã Long Mai, quy mô 4.000 con/đợt nuôi, đến nay đã đưa vào hoạt động.

g. Công tác thủy lợi; phát triển hạ tầng

- Kết quả phát triển hạ tầng: Tổng kinh phí 29.507,97 triệu đồng; chia ra:

+ Năm 2015: 3.641 triệu đồng (làm mới và sửa chữa nâng cấp đầu mối đập Làng Hình xã Thanh An; kênh mương Đông Nguyên, Đồng Vông xã Long Hiệp, Làng Trôi, Đồng Càn xã Thanh An).

+ Năm 2016: 1.116,97 triệu đồng (Kênh mương, đập Dương Chon xã Thanh An, đập Làng Ren, Làng Lon xã Long Môn, đập xã Hoen Hạ xã Long Sơn).

+ Năm 2017: 13.638 triệu đồng/10 công trình thủy lợi (sửa chữa các đập và nối dài cá kênh mương).

+ Năm 2018: 11.112 triệu đồng/12 công trình thủy lợi (xây mới đập La Ta, suối Lạnh, Hóc Trúi; nâng cấp, sửa chữa và duy tu, bảo dưỡng 9 công trình).

Tưới bằng công trình kiên cố có diện tích là 1.212,74 ha/năm đạt 79,78% so với diện tích lúa cả năm (1.520,0 ha).

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi: về quản lý nhà nước, quản lý khai thác công trình thủy lợi từ cấp huyện đến xã, phân rõ trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý khai thác công trình thủy lợi, tiết kiệm nước tưới, tưới theo các phương pháp: tưới thấm, tưới luân phiên....

- Nâng cao mức bảo đảm an toàn hồ chứa: Vận hành hồ chứa hợp lý, nâng cao khả năng xả lũ cho hồ chứa, tiếp tục thực hiện Chương trình an toàn Hồ chứa nhất là Hồ chứa Biều Qua xã Long Sơn, hồ Đồng Càn xã Thanh An.

- Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai: Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân nhận thức rõ tác hại của thiên tai, chủ yếu theo phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện - vật tư - kinh phí tại chỗ và hậu cần tại chỗ) và “3 sẵn sàng” (chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương - hiệu quả).

2.2 Đánh giá những mặt được, chưa được và giải pháp:

a. Mặt được:

Có sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành quyết liệt từ huyện đến cơ sở về lịch thời vụ, cơ cấu giống, điều tiết nước tưới và các biện pháp tổ chức sản xuất: thâm canh, luân canh, xen canh. Chủ động thực hiện các giải pháp đồng bộ chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả hoặc thiếu nước sang trồng cây hoa màu khác, áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật thông qua các mô hình trình diễn sản xuất lúa, khuyến khích gieo sạ các giống chất lượng, năng suất vượt trội, đầu tư thâm canh, hạn chế được các ổ dịch bệnh gia súc, gia cầm.

Diện tích trồng cỏ nuôi trâu - bò ngày càng được mở rộng, đa số hộ biết dự trữ rom rạ làm thức ăn thêm cho trâu - bò. Hạn chế trâu - bò già và bê - nghé chết trong mùa đông, chuồng trại hầu hết có mái che chắn xung quanh và nhốt trâu bò trong những ngày mưa lớn, rét đậm.

Công tác Thú y được chú trọng, thường xuyên kiểm tra kiểm soát việc giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm, chất lượng giống, phân bón, thuốc BVT.

Công tác quản lý, trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, PCCC rừng được chú trọng.

b) Mặt chưa được:

Mặc dù năng suất sản lượng lúa trong những năm qua tăng lên nhưng còn chậm, chưa thực sự tương xứng với tiềm năng hiện có, thâm canh chưa đúng mức phân hữu cơ hiện có tại các chuồng nuôi nhưng chưa tận dụng triệt để, hàng năm có một số diện tích lúa chiêm cao không chủ động nước khi gặp thời tiết bất lợi còn bỏ trống chưa có kế hoạch chuyển đổi cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn. Đặc biệt diện tích cây Lạc, mía, rau đậu các loại chưa đạt theo Đề án tái cơ cấu.

Ý thức sản xuất của người dân còn có tư tưởng trông chờ, ỉ lại vào Nhà nước. Hiệu quả sản xuất lúa trong những năm qua chưa cao do ảnh hưởng bởi các yếu tố cực đoan của thời tiết như: gió bão, lũ lụt, các đợt sương muối, các đợt nắng nóng một số diện tích chiêm cao ít chủ động nước còn thiếu nước tưới, nhiễm sâu bệnh, chuột gây hại, xảy ra làm giảm năng suất và cơ sở hạ tầng đồng ruộng như: kênh mương tưới tiêu, đường giao thông nội đồng chưa hoàn thiện đã làm tăng chi phí sản xuất.

Sản phẩm nông nghiệp chủ lực ít, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; Mô hình khuyến nông có triển khai nhưng tính duy trì và nhân rộng mô hình còn chậm.

Các nguồn vốn đầu tư phát triển cây con giống chủ yếu là hỗ trợ giống: Keo, cau, chuối mốc, trâu, bò,... từ nhiều nguồn dự án còn mang tính dàn trải, bình quân, khâu tổ chức quản lý theo dõi chưa chặt chẽ trong suốt quá trình đầu tư. Tiêu thụ công nghiệp còn ở quy mô nhỏ, chủ yếu là thủ công; Trang trại ít phát triển, chưa có nguồn vốn kêu gọi đầu tư hỗ trợ từ các doanh nghiệp.

c) Giải pháp:

- **Cây lúa:** Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân tận dụng nguồn phân chuồng đầu tư thâm canh, sử dụng giống lúa chất lượng cao để gieo sạ, nhằm tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, giảm giá thành; Mở rộng mô hình khuyến nông, công tác tập huấn để nâng cao kiến thức cho người dân trong sản xuất, chú ý phát triển mở rộng diện tích, cây lạc, mía, rau đậu,... trên chân đất lúa kém hiệu quả đưa vào sản xuất cây màu trở thành cây trồng có thể mạnh trong cơ cấu chuyển đổi cây trồng của huyện. .

Đưa các giống mỳ mới có năng suất cao như KM140, SM937 – 26, KM98 – 1 tạo ra nguồn thu nhập đáng kể cho người dân, trồng mỳ trên chân đất có độ dốc thấp nên thâm canh tăng năng suất, cải tạo đất hợp lý để tăng tỷ lệ bột mỳ.

- **Trâu, Bò:** Tăng nhẹ đàn trâu, phát triển mạnh đàn bò, ứng dụng các biện pháp thâm canh, đưa các giống cỏ mới (Cỏ voi VA 06, các cỏ họ đậu,...) có chất

lượng cao vào trồng để phục vụ chăn nuôi gia súc, bảo đảm năng suất cỏ đạt từ 200 – 240 tấn/ha/năm. Khuyến khích trồng cỏ gắn liền với phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng hàng hóa, vận động nuôi nhốt chuồng, hạn chế chăn thả, kiểm soát dịch bệnh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- **Lợn:** Tăng số lượng cơ đàn 8000-10.000 con, đạt 147% so Đề án (6.800 con) thông qua phát triển trang trại chăn nuôi lợn thịt.

- **Thủy sản:** Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất thông qua việc cải tạo ao, hồ, khảo sát đánh giá lại các loại ao, hồ trên địa bàn huyện về điều kiện nguồn nước để có kế hoạch chăm sóc quản lý, bảo vệ (Hồ Biều Qua, hồ Đồng Càn). Khuyến khích nhân dân đào ao nuôi cá trên những chân ruộng trồng lúa kém hiệu quả, có khả năng chủ động nước.

- **Cây chè:** Xây dựng dự án đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây chè giai đoạn 2019-2023, quy mô 500ha, kinh phí khoảng 82 tỷ đồng.

- **Thủy lợi:** Từng bước nâng cấp, sửa chữa và xây dựng các công trình thủy lợi (hồ chứa, đập dâng, kênh mương) và kiên cố hóa các tuyến kênh mương do địa phương quản lý; phấn đấu đến năm 2020 kênh mương trên địa bàn huyện được kiên cố hóa đạt khoảng 80-85%.

- **Lâm nghiệp:** Đưa giống keo cây mô để cải tạo thay thế dần các giống keo lai giâm hom, vì giống keo cây mô hiện nay có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt, ít ngã đổ; Mở rộng diện tích trồng cây bản địa phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn như: dầu rái, lim xanh, sao,...Chú trọng công tác nghiên cứu bảo tồn và phát triển các giống cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tạo điều kiện, cơ hội cho người lao động có thu nhập cao, cải thiện kinh tế gia đình. Thế nhưng đối với các địa phương còn nghèo việc vận động người đi học nghề còn khó khăn bởi người dân chưa thiết tha với nhu cầu học nghề; trong thời gian đến huyện tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền bằng mọi hình thức đến từng hộ gia đình, để tìm kiếm thức học nghề từng bước mang lại hiệu quả.

Mỗi năm mở các lớp đào tạo nghề nông thôn thu hút khoảng 60 học viên tham gia. Khuyến khích phát triển các nghề theo các loại hình tổ, nhóm, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, xúc tiến thương mại sản phẩm.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong thời gian tới, kính đề nghị các cấp Sở ngành tỉnh Quảng Ngãi một số nội dung sau:

1. Hỗ trợ huyện kêu gọi, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ nông nghiệp.

2. Hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại và gia trại, có chính sách ưu đãi riêng cho cho lĩnh vực kinh tế trang trại và gia trại.

3. Tiếp tục xây dựng dự án cải tạo đàn trâu theo hướng thịt cho huyện, nhằm nâng cao tầm vóc đàn trâu của địa phương.

4. Giúp huyện Minh Long quảng bá, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm Chè xanh Minh Long trong thời gian tới.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ năm 2015 đến 2018 trên địa bàn huyện Minh Long./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT. HU, HĐND huyện (BC);
- CT, các PCT;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- VP: C, PCVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Diết